TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 172/2020/HC-PT
Ngày 08 - 6 - 2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn văn Tửu.
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân.
Ông Phan Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 660/2018/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai". Do bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 575/2020/QĐPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Chu Thị Th, sinh năm 1948; cư ngụ tại 124, đường NQ, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Võ Quang V, sinh năm 1975; cư trú tại số 656 khu phố 4, phường HBP, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 01/03/2017).

Địa chỉ liên hệ: Số 518, đường LLQ, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) thành phố VT.

2. Chủ tịch UBND thành phố VT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L – Chủ tịch UBND thành

phố VT (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Hoàng Thị Thanh Ng – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 89 đường LTK, Phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Chu Thị Th.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà Chu Thị Th trình bày: Ngày 17/01/2017 UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 226/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Chu Thị Th (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 226/QĐ-UBND), cụ thể: Bà Th bị thu hồi 347,40m^2 đất thuộc tờ bản đồ thu hồi số 03 tương đương thửa đất 266 tờ bản đồ số 16, phường RD, thành phố VT để thực hiện dự án Trường tiểu học BN – phường RD.

Tổng kinh phí bồi thường 2.336.206.200 đồng (trong đó bồi thường đất ở giá 9.373.000 đồng/m^2 và bồi thường đất nông nghiệp 3.587.000 đồng/m^2).

Không đồng ý giá bồi thường theo Quyết định số 226/QĐ-UBND Bà Th khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố VT, yêu cầu:

Bồi thường giá đất ở là 18.000.000 đồng/m^2.

- Bồi thường giá đất nông nghiệp là: 8.000.000 đồng/m^2.

- Bồi thường nhà, vật kiến trúc chứ không phải hỗ trợ.

- Bồi thường vật kiến trúc còn thiếu như: Tường gạch, trụ cổng, cổng sắt, tường gạch block.

- Cấp đất tái định cư và hỗ trợ di dời chỗ ở.

Ngày 06/11/2017 Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 5717/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Chu Thị Th (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 5717), có nội dung: Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu bồi thường vật kiến trúc; các yêu cầu khác không được chấp nhận.

Ngày 12/3/2018 Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND, về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung (sau đây gọi tắt là: Quyết định số 1011/QĐ-UBND) cho Bà Th đối với vật kiến trúc là 12.491.818 đồng.

Không đồng ý với các quyết định trên nên Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 226/QĐ-UBND và Quyết định số 5717/QĐ-UBND, căn cứ yêu cầu:

+ Về yêu cầu tái định cư: Nguồn gốc đất bị thu hồi là do Bà Th nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn Th, bà Đỗ Thị L vào ngày 30/6/2006,

trên đất có nhà ở.

Bà Th sử dụng đất liên tục đến năm 2011 Bà Th mới chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh ở để thuận tiện cho việc khám chữa bệnh, Việc này Công an phường RD đã xác nhận theo đơn xin xác nhận của Bà Th ngày 12/3/2017. Do vậy, văn bản xác nhận số 227 của UBND phường RD ngày 28/8/2016 cho rằng Bà Th không có hộ khẩu và không ở, làm việc tại địa chỉ đất bị thu hồi là không đúng. Công văn 227/UBND ngày 28/7/2016 của UBND phường RD về việc xác minh hộ khẩu, nơi cư trú của Bà Th cũng là không đúng vì UBND phường không có thẩm quyền xác minh nội dung này.

Về yêu cầu bồi thường giá đất: Theo thông tin Bà Th được biết giá đất thị trường tại thời điểm thu hồi đất là 18.000.000 đồng/m^2 đối với đất ở và 8.000.000 đồng/m^2 đối với đất nông nghiệp, nhưng Quyết định 226/QĐ-UBND chỉ bồi thường giá đất ở là 9.373.000 đồng/m^2 và bồi thường đất nông nghiệp 3.587.000 đồng/m^2 là không đúng. Bà Th có được thông tin trên thông qua tìm kiếm thông tin trên mạng rao bán nhà, đất, báo, môi giới đất, tại thời điểm thu hồi đất đối với khu đất xung quanh có cùng vị trí như Bà Th.

Quy trình UBND khảo sát giá đất cụ thể cho dự án thu hồi đất xây dựng công trình Trường tiểu học BN. UBND thành phố VT không mời người dân tham gia góp ý kiến là không khách quan, không công khai bảng chiết tính giá bồi thường để người dân thực hiện quyền khiếu nại cũng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

Quá trình tố tụng người bị kiện, trình bày: Diện tích 347,4m^2 đất tọa lạc tại số 56 đường KĐ, phường RD, thành phố VT có nguồn gốc được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00628 ngày 29/10/1998 cho bà Vũ Thị Kim V1; năm 2004 bà V1 chuyển nhượng lại cho Bà Th. Ngày 17/01/2017 UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 226/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của Bà Th.

- Về nôi dung:

+ Yêu cầu bồi thường theo giá thị trường:

+ Khi thu hồi đất UBND thành phố VT căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường tiểu học BN, UBND thành phố VT đã tính toán bồi thường giá trị quyền sử dụng đất ở với đơn giá 9.373.000 đồng/m^2 và đất nông nghiệp theo đơn giá 3.587.000 đồng/m^2 là đúng quy định.

Về trình tự thủ tục khảo sát giá đất cụ thể cho dự án Trường tiểu học BN, luật không quy định phải lấy ý kiến của người dân có đất bị thu hồi và UBND thành phố VT có niêm yết công khai tại phường bảng chiết tính kinh phí bồi thường.

Hồ sơ khảo sát giá đất cụ thể UBND thành phố VT thực hiện đúng quy định của Nghị định số 44/2014 và Nghị định số 47/2014 của Chính phủ.

+ *Về yêu cầu cấp đất tái định cư và hỗ trợ di dời*: UBND thành phố VT căn cứ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Do Bà Th không thực tế ở tại nhà, đất bị thu hồi; không đăng ký thường trú mà hộ khẩu của Bà Th đăng ký tại thành phố Hồ Chí Minh nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư và cũng không đủ điều kiện hỗ trợ di dời chỗ ở.

Vì những lý do trên người bị kiện không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Th.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 , điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng các Điều 112, 114, 115, 116 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 5 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Chu Thị Th yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND thành phố VT; Quyết định số 5717/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố VT; không chấp nhận buộc UBND thành phố VT bồi thường đất ở với đơn giá 18.000.000 đồng/m^2 và đất nông nghiệp với đơn giá 8.000.000 đồng/m^2; không chấp nhận buộc UBND thành phố VT giao đất tái định cư cho bà Chu Thị Th, hỗ trợ di dời và bồi thường tài sản chứ không phải hỗ trợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, người khởi kiện bà Chu Thị Th có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HC-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Lý do kháng cáo: Do bản án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan vụ án nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà Th.

Vì thế Bà Th kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm:

+ Hủy Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND thành phố VT;

+ Hủy Quyết định số 5717/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Chủ tịch UBND thành phố VT;

+ Buộc UBND thành phố VT xem xét thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho Bà Th theo quy định của pháp luật, cụ thể: Diện tích đất bị thu hồi theo giá thị

trường (đất ở đơn giá 18.000.000 đồng/m^2 và đất nông nghiệp đơn giá 8.000.000 đồng/m^2); giao đất tái định cư và hỗ trợ di dời cho Bà Th; bồi thường vật kiến trúc trên đất thu hồi chứ không phải hỗ trợ.

+ Bồi thường tường gạch, trụ cổng, cổng sắt, tường gạch block.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo bà Chu Thị Th do ông Võ Quang V làm đại diện, trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 28/9/2018, không cung cấp chứng cứ mới. Chỉ rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu: Bồi thường tường gạch, trụ cổng, cổng sắt, tường gạch block, do Bà Th đã được bồi thường bổ sung xong.

Lý do giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo còn lại, bởi:

- UBND thành phố VT đã không thực hiện đúng quy định khi thu hồi đất; trước khi thu hồi đất không có dự án tái định cư, thu hồi toàn bộ diện tích đất, trên đất có nhà nhưng không bố trí tái định cư; lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư không đúng quy định; không thực hiện việc hỗ trợ thuê nhà cho Bà Th và không bồi thường về tài sản, chi phí di dời cho Bà Th…đã vi phạm các Điều 69, 74, 75 Luật đất đai; Điều 5 của Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bà Th sửa án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu của Bà Th nêu trên.

- *Người bị kiện UBND - Chủ tịch UBND thành phố VT vắng mặt.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, trình bày:* Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện do ông Vũ làm đại diện trình bày và yêu cầu nêu trên, đồng ý với toàn bộ trình bày của người bị kiện như đã nêu tại cấp sơ thẩm, do quá trình thực hiện dự án Trường tiểu học BN, phường RD UBND thành phố VT đã thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, áp giá bồi thường đúng quy định của pháp luật. Nên yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Khi giải quyết Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và quyết định bác yêu cầu khởi kiện của Bà Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bà Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về thủ tục:*

[1] Tòa sơ thẩm xét xử ngày 18 tháng 9 năm 2018 đến ngày 28 tháng 9 năm 2018 Bà Th có đơn kháng cáo nên kháng cáo của Bà Th là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện người khởi kiện rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường tường gạch, trụ cổng, cổng sắt, tường gạch block, nên căn cứ khoản 3 Điều 218; khoản 3 Điều 229 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của Bà Th.

[3] Người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện

- *Về nội dung:*

[1] Kháng cáo của Bà Th là không có căn cứ, bởi:

[1.1] Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND thành phố VT. Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ Bà Th khi thu hồi đất để thực hiện dự án Trường tiểu học BN, phường RD, thành phố VT. Theo đó, UBND thành phố VT thu hồi của Bà Th 347,40m^2 với số tiền bồi thường là: 2.336.206.200 đồng *{trong đó có 188,40m^2- đất ở (vị trí 1, đường loại 4) đường Kim Đồng, với đơn giá bồi thường là 9.373.000 đồng/m^2 = 1.765.873.200 đồng và 159m^2 – đất nông nghiệp (vị trí 1, đường loại 4) đường Kim Đồng, với đơn giá bồi thường là 3.587.000 đồng/m^2)}*. Ngoài ra còn bồi thường về hoa màu, cây trái là 4.561.750 đồng; các khoản hỗ trợ gồm: Nhà ở, cổng sắt, trụ cổng, tường gạch, mái che…với số tiền 324.499.874 đồng.

Xét, về giá đất bồi thường: Quyết định số 226/QĐ-UBND của UBND thành phố VT đã căn cứ vào Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 22/7/2016, của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án: Trường tiểu học BN, phường RD, Quyết định số 1978/QĐ-UBND phê duyệt: Giá đất đường Kim Đồng (đường loại 4 vị trí 1) đất ở = 9.373.000 đồng/m^2; đất nông nghiệp = 3.587.000 đồng/m^2) là có căn cứ vào giá đất do đơn vị tư vấn thực hiện trước khi trình UBND tỉnh quyết định. Như vậy, UBND thành phố VT phê duyệt giá đất để bồi thường cho Bà Th là đúng quy định tại các Điều 74, 77, 79, 112, 114, 115, 116 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Đối với kháng cáo của Bà Th yêu cầu: Giao đất tái định cư và hỗ trợ di dời cho Bà Th; bồi thường vật kiến trúc trên đất chứ không phải hỗ trợ. Xét: Nhà Bà Th xây dựng không có giấy phép và Bà Th không ở tại nhà, đất bị thu hồi nên không phải di dời chỗ ở. Hộ khẩu thường trú của Bà Th ở tại số 124, đường

NQ, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Bà Th cũng thừa nhận Bà Th ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến khi có quyết định thu hồi đất. Nên Quyết định số 226/QĐ-UBND chỉ hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho Bà Th như bồi thường và không hỗ trợ di dời, không giao đất tái định cư là đúng quy định tại Điều 91; Khoản 2, Điều 92 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 4, Điều 1- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Điều 9; Điều 21 của Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND vừa nêu.

[1.2] Từ viện dẫn trên cho thấy Quyết định số 226/QĐ-UBND của UBND thành phố VT; Quyết định số 5717/QĐ.UBND của Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành là có căn cứ, đúng pháp luật, nên theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bà Th, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Th là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho Bà Th.

[3] Quyết định của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 206; khoản 3 Điều 218; khoản 4 Điều 225; khoản 3 Điều 229 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Áp dụng các Điều 74, 77, 79, 91, 92, 112, 114, 115, 116 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 22/7/2016, của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án: Trường tiểu học BN, phường RD; Điều 9; Điều 21 của Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Khoản 4, Điều 1- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND, ngày 31/10/2014; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu bồi thường tường gạch, trụ

cổng, cổng sắt, tường gạch block của bà Chu Thị Th.

2/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị Th; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Th về yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

3.1/ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố VT. Về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Chu Thị Th, địa chỉ 124 NQ, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Trường tiểu học BN phường RD, thành phố VT;

3.2/ Quyết định số 5717/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VT. Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Chu Thị Th địa chỉ số 124, đường Ngô Quyền, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.3/ Không chấp nhận buộc Ủy ban nhân dân thành phố VT bồi thường cho bà Chu Thị Th đất ở đơn giá 18.000.000 đồng/m^2 và đất nông nghiệp đơn giá 8.000.000 đồng/m^2; không chấp nhận buộc Ủy ban nhân dân thành phố VT giao đất tái định cư cho bà Chu Thị Th, hỗ trợ di dời và bồi thường tài sản.

4/ Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Chu Thị Th.

5/ Quyết định của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND.Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Các đương sự (3).
- Lưu HS (02) VP (5) 15b (án 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu